

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 87/2022/DSST

Ngày: 31/8/2022

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B-TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Hòa

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B - tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. B tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 667/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2022/QĐST-DS ngày 25/7/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 859/2022/QĐST-DS ngày 10/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: 19/78, khu phố 12, phường H, TP. B, Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: ông Phan Đình Bảo Trí.

Địa chỉ: Số 272, đường 30/4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Bà Nguyễn Vũ Hoàng O, sinh năm 1978.

Địa chỉ: C26, khu dân cư số 2, khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(ông Trí có mặt, bà O vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Đình Bảo Trí trình bày:

Từ tháng 6 năm 2019 đến ngày 15/11/2020 bà Nguyễn Vũ Hoàng O có vay của bà Nguyễn Thị Kim T tổng số tiền là 8.030.000.000 đồng (*Tám tỷ không trăm ba mươi triệu đồng*). Hai bên có viết giấy vay tiền và cùng ký tên. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng. Sau đó bà O có trả cho bà T tiền gốc gồm nhiều lần với tổng số tiền là: 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*). Số tiền gốc còn lại

7.850.000.000 đồng (*Bảy tỷ, tám trăm năm mươi triệu đồng*). Từ ngày vay tiền đến nay bà O chưa trả cho bà T số lãi nào. Bà O hứa đến ngày 15/05/2021 sẽ trả cho bà T. Tuy nhiên hiện nay hoàn cảnh của bà T rất khó khăn, số tiền bà O mượn của bà T là số tiền bà T vay của người khác hàng tháng phải trả lãi. Bà T có đến thương lượng nhiều lần yêu cầu bà O trả nhưng bà O vẫn cố tình không trả.

Vì vậy, nay bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân thành phố B xem xét, giải quyết buộc bà Nguyễn Vũ Hoàng O phải trả cho bà T số tiền gốc còn lại là 7.850.000.000 đồng (*Bảy tỷ, tám trăm năm mươi triệu đồng*). Bà T không yêu cầu trả lãi suất.

Ngoài yêu cầu trên bà T không còn yêu cầu nào khác.

- *Đối với bị đơn bà Nguyễn Vũ Hoàng O*: Quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Vũ Hoàng O đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; triệu tập hợp lệ để làm việc, lấy lời khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, bị đơn cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý, đảm bảo việc thu thập tài liệu, chứng cứ, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn bà Nguyễn Vũ Hoàng O phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 7.850.000.000 đồng (*Bảy tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng*). Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Bà Nguyễn Thị Kim T yêu cầu bà Nguyễn Vũ Hoàng O trả số tiền nợ. Căn cứ vào Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự xác

định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp vay tài sản*”; Bà Nguyễn Thị Kim T là nguyên đơn, bà Nguyễn Vũ Hoàng O là bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Kim T nộp đơn yêu cầu giải quyết vay tài sản với bà Nguyễn Vũ Hoàng O có nơi cư trú cuối cùng tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà O theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Nguyễn Vũ Hoàng O phải trả số tiền 7.850.000.000 đồng (*Bảy tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng*), không yêu cầu trả tiền lãi, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo giấy mượn tiền ngày 15/11/2020 thể hiện “*Tôi là Nguyễn Vũ Hoàng O sinh năm 1978, ngụ tại C26, khu phố 2, phường Long Bình, B, Đồng Nai. Nay ngày 15 tháng 11 năm 2020 vay bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1969 ngụ 19/78, khu phố 12, phường Hồ Nai, B, Đồng Nai với số tiền 8.030.000.000 đồng (Tám tỷ không trăm ba mươi triệu đồng). Tôi xác nhận số tiền nợ là đúng. Những giấy trước đây sẽ không còn giá trị nữa. Tôi sẽ cố gắng khắc phục trả đủ số tiền này (bút lục 11). Bà T và bà O cùng ký xác nhận vào giấy vay tiền trên*”.

Tại biên bản xác minh ngày 08/2/2022 của Công an phường Long Bình, thành phố B xác nhận: Bà Nguyễn Vũ Hoàng O có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: C26, khu dân cư số 2, khu phố 2, phường Long Bình, thành phố B, hiện đã bán nhà đi khỏi địa phương từ năm 2020 đến nay. Hiện bà O đi đâu, làm gì thì địa phương không rõ, khi đi bà O không trình báo gì với địa phương (*bút lục 30*).

Bà O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Vì vậy xem như bà O đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và mặc nhiên thừa nhận nợ. Từ đó có đủ cơ sở xác định việc bà O vay của bà T số tiền 8.030.000 đồng (*Tám tỷ không trăm ba mươi triệu đồng*), đã trả được 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*), còn nợ 7.850.000.000 đồng (*bảy tỷ, tám trăm năm mươi triệu đồng*) là có thật.

Từ đó, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Vũ Hoàng O phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 7.850.000.000 đồng (*Bảy tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng*), bà T không yêu cầu trả tiền lãi nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Nhận định của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T tự nguyện chịu, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Vũ Hoàng O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 220, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T.

Buộc bà Nguyễn Vũ Hoàng O phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền nợ là 7.850.000.000 đồng (*Bảy tỷ, tám trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Nguyễn Vũ Hoàng O phải chịu 115.850.000 đồng (*Một trăm mười lăm triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 28.962.500 đồng (*Hai mươi tám triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000335 ngày 15/11/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Nguyễn Vũ Hoàng O được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân TP B;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP B;
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

Trần Thị Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân TP B;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP B;
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

